TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ–ST
Ngày: 11/3/2022
V/v "Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán–Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

2/ Ông Nguyễn Văn Ba.

Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 556/2021/TLST–HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2021 về "Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Diệp Thị T, sinh năm 1964.

2/ Bị đơn: Ông Hoàng Xuân L, sinh năm 1971.

Cùng nơi đăng ký thường trú: D84 Bis, tổ 2, ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông L vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Diệp Thị T trình bày:

Bà và ông L chung sống với nhau từ năm 1998, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông L thường xuyên uống rượu, quậy phá gia đình. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay. Bà đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn ông L.

– Về con chung: Đã trưởng thành.

– Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/12/2021, bị đơn ông Hoàng Xuân L trình bày:

Ông và bà T chung sống với nhau từ năm 1998, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2019, ông và bà T ly thân cho đến nay. Bà T yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

– Về con chung: Đã trưởng thành.

– Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án, phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Đã chấp hành đúng theo quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đề nghị về việc giải quyết vụ án: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Diệp Thị T và ông Hoàng Xuân L. Về con chung: Đã trưởng thành; Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

– Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn ông Hoàng Xuân L có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú sinh sống tại xã Tân Hiệp, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập cho nguyên đơn và bị đơn, nhưng nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Bà T và ông L chung sống với nhau từ năm 1998, không đăng ký kết hôn vi phạm khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, không được xem là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông L.

– Về con chung: Đã trưởng thành.

– Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với đề nghị của Viện kiểm sát về việc tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Diệp Thị T và ông Hoàng Xuân L. Về con chung: Đã trưởng thành; Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp. Bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Diệp Thị T. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Diệp Thị T và ông Hoàng Xuân L.

– Về con chung: Đã trưởng thành.

– Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2/ Về án phí: Bà T nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004811, ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Thành. Bà T đã nộp đủ án phí.

3/ Bà T, ông L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Thùy Trang